

### 1.Mục đích điều tra thăm dò

Điều tra thăm dò này là nhằm mục đích làm rõ ràng thực trạng sau khi về nước của thực tập sinh kỹ năng, để nắm rõ được sự thay đổi tình trạng việc làm chức vụ sau khi tiếp thu và học hỏi được kỹ thuật, kỹ năng, kiến thức ở Nhật để làm tài liệu căn bản việc quản lý suông sẻ, chính đáng cho chế độ thực tập sinh kỹ năng.

### 2.Đối tượng điều tra thăm dò

Những thực tập sinh( Việt nam, Trung quốc, Indonesia, Phillipine và Thái Lan) , trong những thực tập sinh kỹ năng mà đã hoàn thành thực tập kỹ năng và đã về nước trong khoản thời gian từ ngày 1 tháng 9 năm 2022 cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2022 (kể cả con số đang dự định)

※ Kể cả những thực tập sinh trước đã có dự định trở về nước nhưng do ảnh hưởng của dịch COVID-19, vẫn chưa thể trở về nước và hiện đang ở lại tại Nhật Bản dưới tư cách là người có thẻ tạm trú loại "Hoạt động đặc định“.

### 3.Phương pháp điều tra thăm dò

- (1) Gửi bản điều tra thăm dò và phương pháp trả lời qua mạng, và phiếu thăm dò bằng tiếng mẹ đẻ đúng số đối tượng đến những nghiệp đoàn tiếp nhận thực tập sinh và nhờ phân phát đến tận tay cho các đương sự.
- (2) Đối tượng điều tra trả lời vào bản điều tra thăm dò sau khi đã về nước, và sau đó gửi bản điều tra thăm dò ý kiến từ nước sở tại đến văn phòng điều tra thuộc cơ quan thực tập sinh kỹ năng, hoặc trả lời qua mạng từ nước của mình.
- (3) Đáp án không ghi tên, phương thức chọn lựa, (có một phần được ghi tự do)

### 4. Số lượng trả lời có hiệu lực ▪ Tỷ lệ thu hồi

Tổng kết số lượng đã có hồi âm từ ngày 1 tháng 9 Năm 2022 cho đến ngày 28 tháng 2 Năm 2023

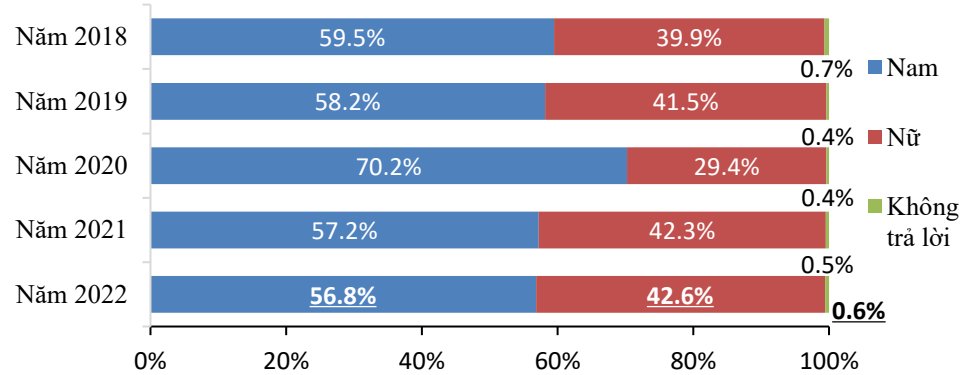
Đối tượng điều tra thăm dò	Số lượng trả lời có hiệu lực	Tỷ lệ thu hồi
31,271	7,648 (Trong đó có 4,495 người trả lời là 「Chưa về nước」)	24.5% (Trong đó có tỷ lệ 14,4% người trả lời là 「Chưa về nước」)

# Chi tiết của Đối tượng trả lời có hiệu lực

## Theo giới tính của thực tập sinh kỹ năng

Tỉ lệ 「Nam」 Chiếm 56.8% Tỉ lệ 「Nữ」 Chiếm 42.6%

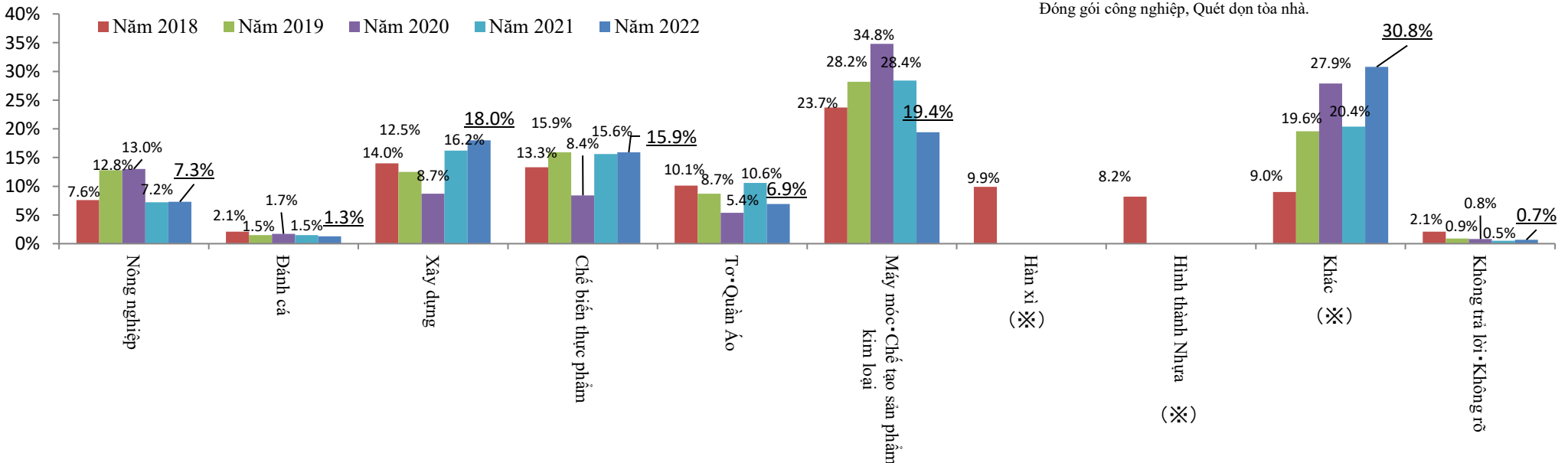
( N=7,648 ; Năm 2022 )



## Loại công việc của thực tập sinh kỹ năng

Đang tăng dần theo thứ tự như 「Ngành Máy móc · Chế tạo sản phẩm kim loại (19.4%)」, 「Xây Dựng (18.0%)」.

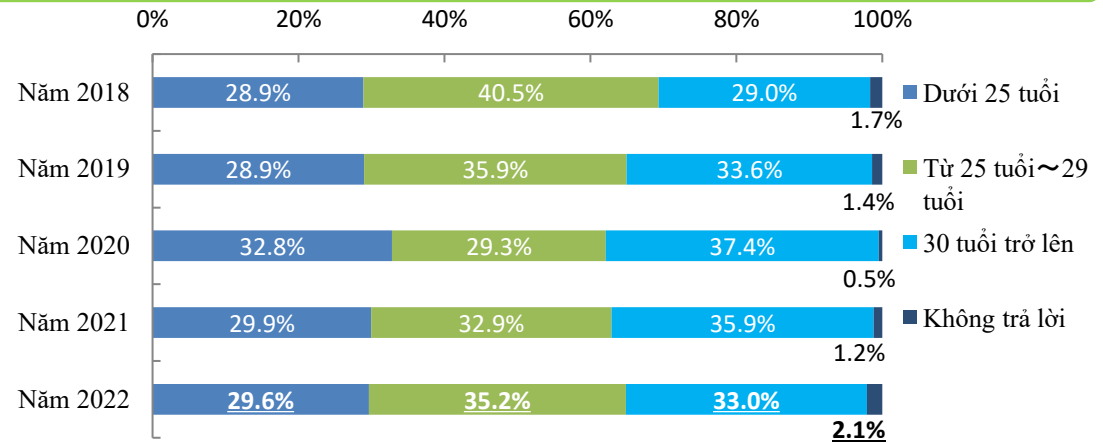
( N=7,648 ; Năm 2022 )



## Theo độ tuổi của thực tập sinh kỹ năng

Tỉ lệ độ tuổi dưới 30 chiếm 64.8 %

( N=7,648 ; Năm 2022 )

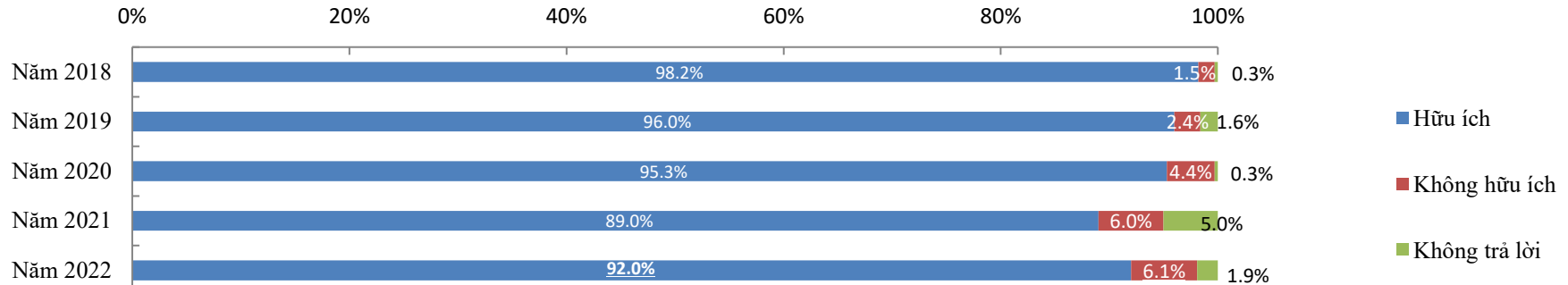


# Hiệu quả của việc thực tập kỹ năng

## Hiệu quả của việc thực tập kỹ năng

Tỉ lệ của người trả lời về việc học hỏi thông qua quá trình thực tập có hữu ích chiếm 92.0 %.

( N=3,153 ; Năm 2022 )

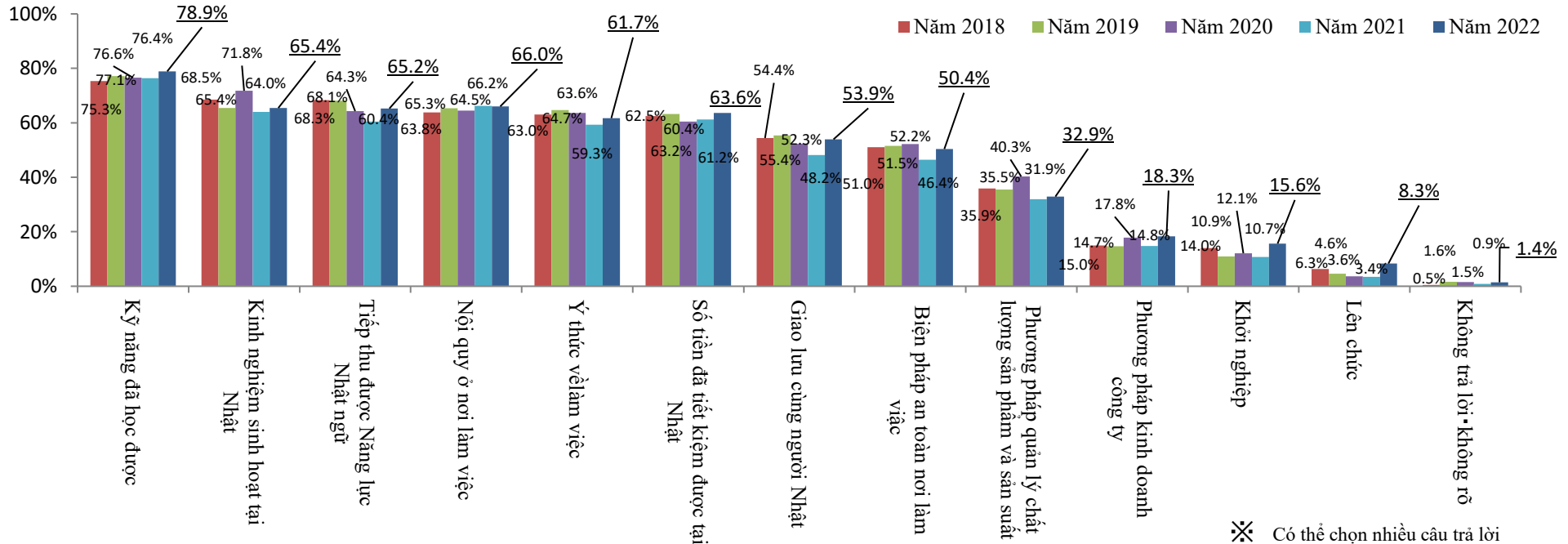


## Nội dung hữu ích

※Đã trừ đi con số của Cựu thực tập sinh đã trả lời là 「Chưa về nước」 từ mẫu số của năm 2021 và năm 2022

Chi tiết nội dung có hữu ích cao nhất 「Kỹ năng học được」 là 78.9% , 「Quy tắc nơi làm việc」 là 66.0% , Tiếp theo đó là 「Kinh nghiệm sinh sống tại Nhật」65.4 %.

( N=2,902 ; Năm 2022 )



※ Có thể chọn nhiều câu trả lời

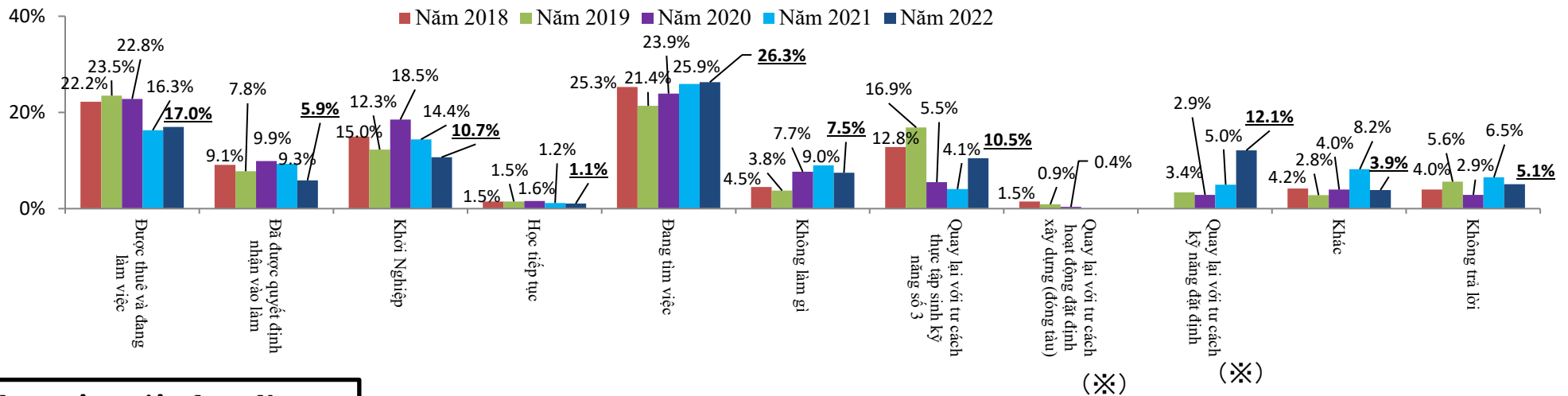
# Tình hình công việc sau khi đã về nước

## Tình hình công việc sau khi đã về nước

- ※ 「 Quay lại với tư cách hoạt động đặt định xây dựng (đóng tàu) 」 đã được thêm vào phần chọn từ năm 2018 đến năm 2020.
- ※ 「 Quay lại với tư cách hoạt động đặt định 」 đã được thêm vào phần chọn năm 2019.
- ※ Năm 2021 và năm 2022, không tính những Thực tập sinh nào đã trả lời 「 Không về nước 」

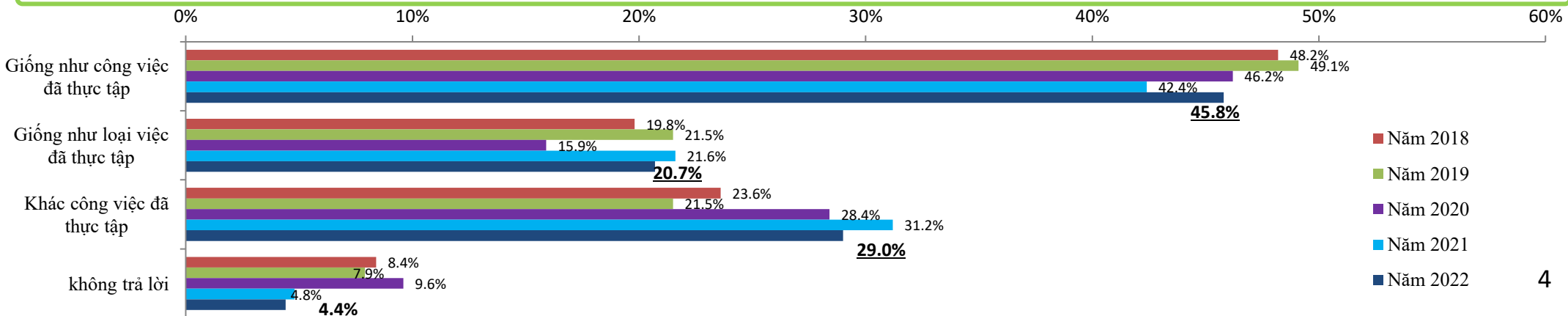
Về tình hình công việc sau khi đã về nước 「Được thuê và đang làm việc (17.0%)」, 「Đã được quyết định thuê vào làm(5.9%)」, và 「Khởi nghiệp (10.7%)」, tổng số người đã trả lời 33.6% .  
 Và thêm nữa, số người trả lời sau khi về nước 「Đang tìm việc」 là 26.3%. Tình hình loại việc thì theo như ở P9. Tình quốc gia thì theo như ở P10, Tình hình loại thực tập thì theo như ở P11.

( N=3,095 ; Năm 2022 )



## Nội dung công việc đang làm

Trong số người đã trả lời 「Được thuê và đang làm việc」, 「Đã được quyết định thuê vào làm」, và 「Khởi nghiệp」 Nội dung công việc đang làm 「Giống như công việc đã thực tập(45.8%)」 và 「Giống như loại việc đã thực tập (20.7%)」 tỉ lệ chiếm 66.5% . ( N=1.037 ; Năm 2022 )



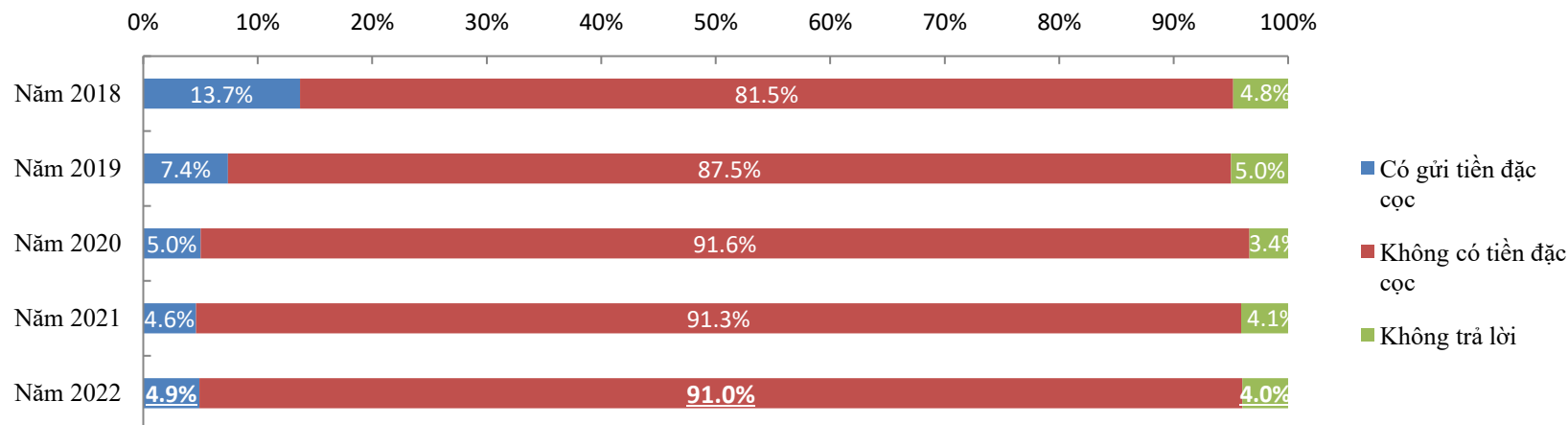
# Có hoặc không có tiền đặc cọc

## Có hoặc không có tiền đặc cọc

※ Năm 2021 và năm 2022, tính cả những Thực tập sinh nào đã trả lời 「Không về nước」

Tỉ lệ số người trả lời 「không có tiền thế chấp」 91.0 %.

( N=7,648 ; Năm 2022 )

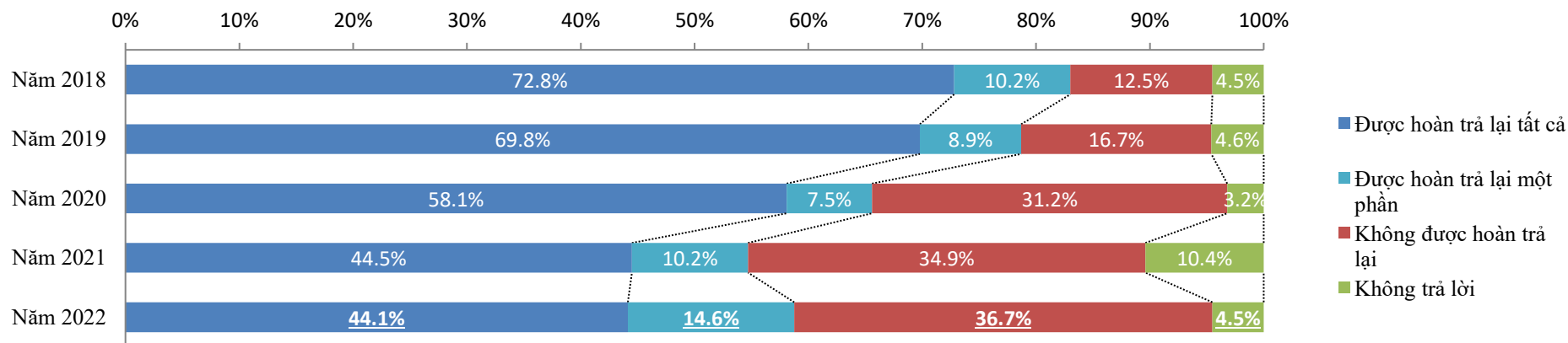


## Có hoặc không hoàn trả tiền đặc cọc

※ Năm 2021 và năm 2022, tính cả những Thực tập sinh nào đã trả lời 「Không về nước」

Đối với người đã trả lời 「Đã gửi tiền thế chấp」, khi có hỏi về tình hình hoàn trả như thế nào thì 44.1 % đã trả lời là 「Đã được hoàn trả toàn bộ」

( N=376 ; Năm 2022 )



※ Tiền thế chấp là số tiền mặt, bất động sản mà chính thực tập sinh hoặc người thân ký gửi cho công ty phái cử và nghiệp đoàn quản lý để bảo đảm và đền bù khi thực tập sinh bỏ trốn. Thêm nữa, đó không phải là số tiền đã vay để làm chi phí sang Nhật.

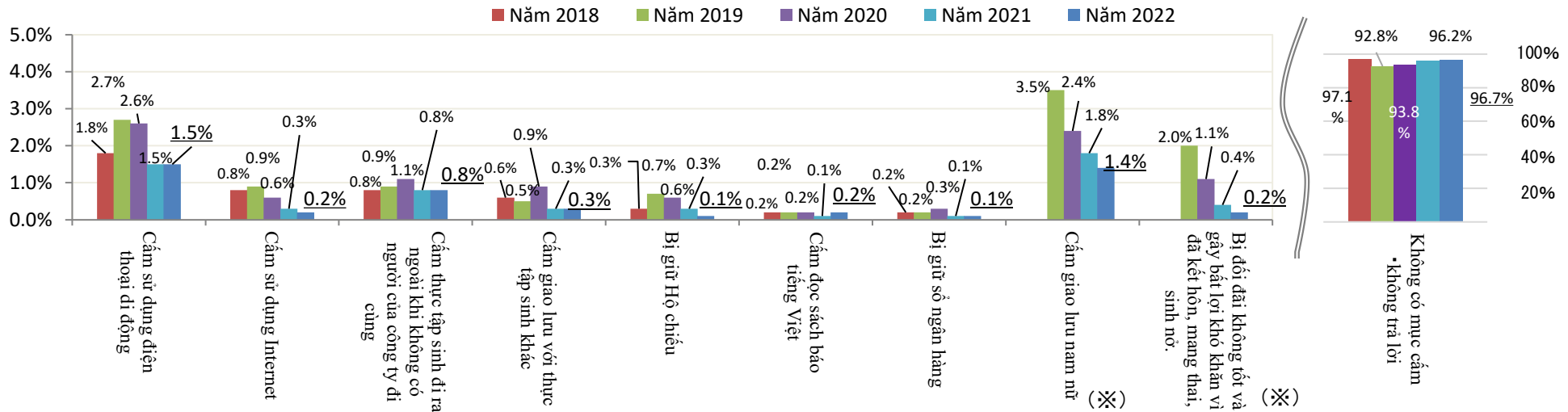
# Có, không có vấn đề trong thời gian cư trú

## Mục nghiêm cấm trong hóa trình thực tập (cư trú)

- ※ 「 Bị cấm giao lưu nam nữ 」 và 「 Đã bị đối xử bất lợi với lý do kết hôn, có thai, sinh con 」 đã được thêm vào mục chọn lựa từ năm 2019.
- ※ Năm 2021 và năm 2022, tính cả những Thực tập sinh nào đã trả lời 「 Không về nước 」
- ※ Có thể chọn nhiều câu trả lời

96.7 % đã trả lời (cả không trả lời) 「 Không có mục nghiêm cấm 」. Còn về nội dung của mục nghiêm cấm nhiều nhất là 「 Cấm sử dụng điện thoại di động 」 1.5 %, Tiếp theo đó là 「 Cấm giao lưu Nam Nữ 」 là 1.4 %.

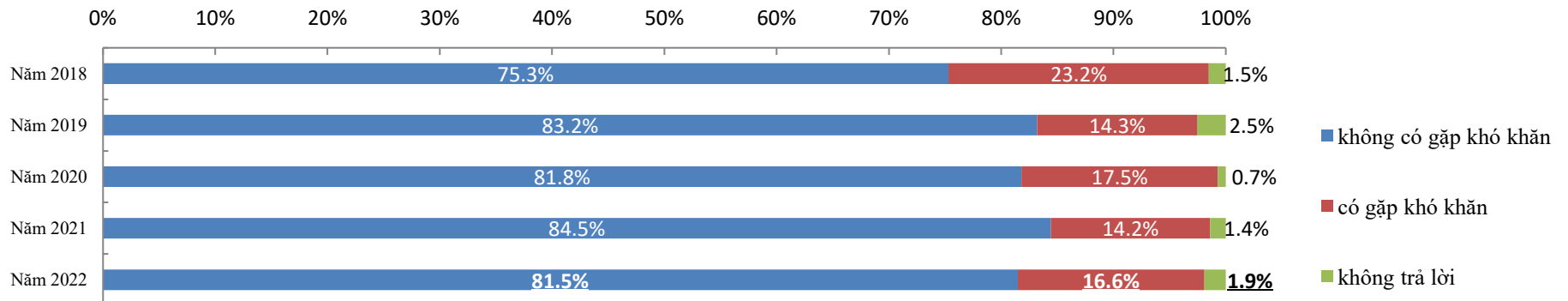
( N=7,648 ; Năm 2022 )



## Vấn đề khó khăn trong hóa trình thực tập (cư trú)

※ Năm 2021 và năm 2022, tính cả những Thực tập sinh nào đã trả lời 「 Không về nước 」

Khi hỏi về vấn đề khó khăn trong thời gian cư trú ở Nhật bản ngoài vấn đề giao tiếp ra thì 81.5 % trả lời là 「 không có gặp khó khăn 」. Nội dung cụ thể của 60.4 % người đã trả lời 「 đã có gặp khó khăn 」 nhiều nhất là 「 Vì xa gia đình nên rất nhớ nhà 」. ( N=7,648 ; Năm 2022 )



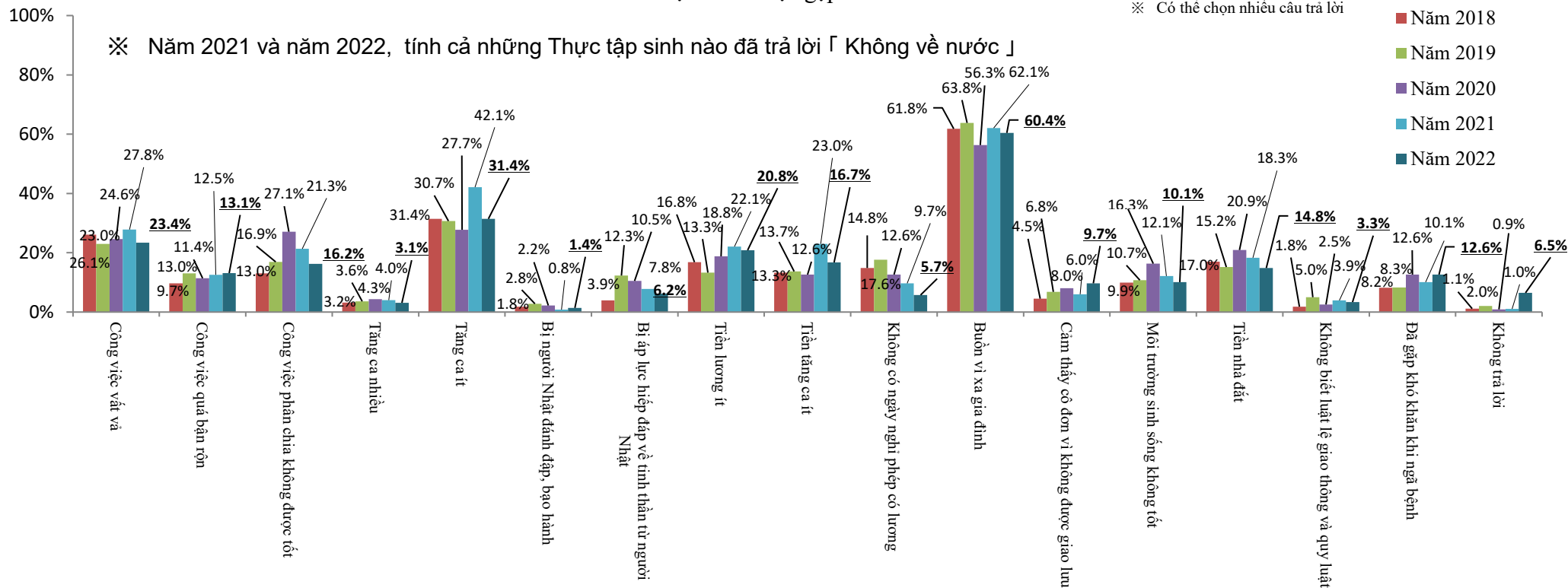
# Vấn đề khi cư trú

Cụ thể về việc gặp khó khăn (N=1,272 ; Năm 2022)

※ Có thể chọn nhiều câu trả lời

■ Năm 2018  
■ Năm 2019  
■ Năm 2020  
■ Năm 2021  
■ Năm 2022

※ Năm 2021 và năm 2022, tính cả những Thực tập sinh nào đã trả lời 「Không về nước」



## Phần điền tự do (Ý kiến khác)

Trong phần trả lời có hiệu lực của 7,648 người, đã có 859 người đưa ra ý kiến. Ngoài ý kiến trên thì cũng có ý kiến như sau.

- Tiền lương giảm đi do tình trạng giá trị đồng Yên giảm.
- Có sự chênh lệch về mức lương so với người Nhật và Thực tập sinh từ các quốc gia khác.
- Các Thực tập sinh từ các quốc gia khác thường không quan tâm đến nhau và thỉnh thoảng gặp vấn đề do sự khác biệt ngôn ngữ.
- Không có nơi để thực hiện các hoạt động tôn giáo hoặc không được phép sử dụng trang phục, tôn giáo và phong tục truyền thống không được tôn trọng.
- Không được cho tập luyện thực hành để chuẩn bị cho bài kiểm tra thực hành và do đó đã bị thi trượt.
- Đã bị đe dọa là phạt nếu không vào công ty của địa phương để làm việc, sau khi trở về nước
- Chúng tôi muốn các cơ quan giám sát đến thăm các học viên thực tập thường xuyên hơn.
- Phí môi giới để đi Nhật Bản quá cao.

# Tình trạng công việc sau khi về nước (Toàn thể)

## Tình trạng công việc sau khi về nước

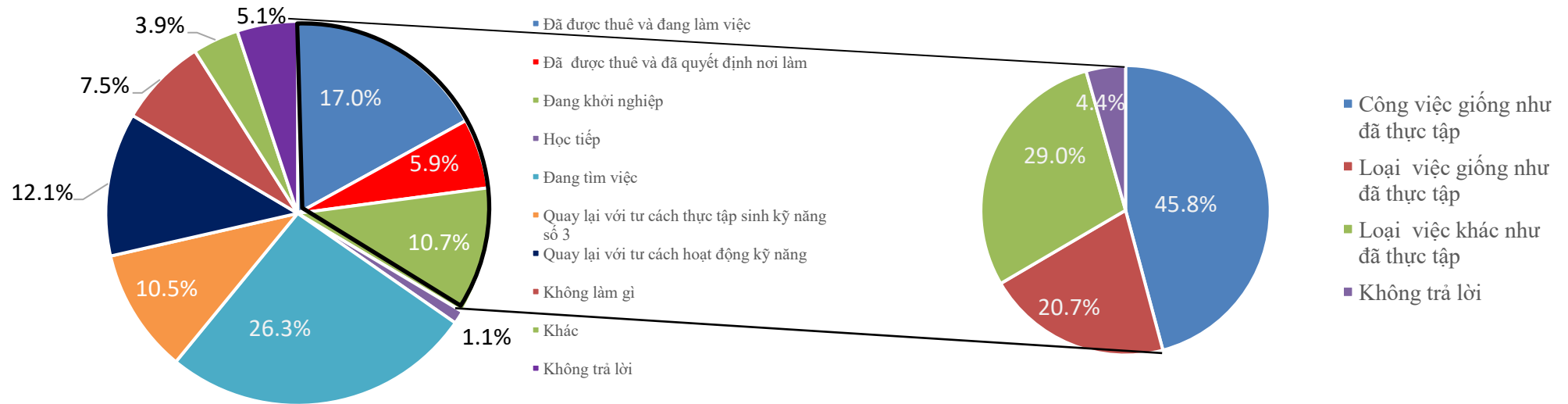
※ Năm 2021 và năm 2022, không tính những Thực tập sinh nào đã trả lời 「Không về nước」

Về tình hình việc làm của thực tập sinh sau khi về nước 「đã được thuê và đang làm việc (17.0%)」, 「đã được thuê và đã quyết định nơi làm (5.9%)」 hoặc là 「đang khởi nghiệp (10.7%)」 tổng cộng tỉ lệ 33.6%.

(N=3,095 ; Năm 2022)

Trong số người đã trả lời 「đã được thuê và đang làm việc」, 「đã được thuê và đã quyết định nơi làm」 hoặc là 「đang khởi nghiệp」 Những nội dung công việc mà thực tập sinh theo làm, 「công việc giống như đã thực tập (45.8%)」 hoặc 「loại việc giống như đã thực tập (20.7%)」 tổng cộng tỉ lệ câu trả lời là 66.5%.

(N=1,037 ; Năm 2022)



	Năm 2022	Năm 2021	Năm 2020
Đã được thuê và đang làm việc	17.0%	16.3%	22.8%
Đã được thuê và đã quyết định nơi làm	5.9%	9.3%	9.9%
Đang khởi nghiệp	10.7%	14.4%	18.5%
<b>Tổng kết 3 điểm trên</b>	<b>33.6%</b>	<b>40.0%</b>	<b>51.2%</b>
Đang học tiếp	1.1%	1.2%	1.6%
Đang tìm việc	26.3%	25.9%	23.9%
Quay lại với tư cách thực tập sinh kỹ năng số 3	10.5%	4.1%	5.5%
Quay lại với tư cách hoạt động đặt định xây dựng (đóng tàu) (※)	—	—	0.4%
Quay lại với tư cách hoạt động kỹ năng	12.1%	5.0%	2.9%
Không làm gì	7.5%	9.0%	7.7%
Khác	3.9%	8.2%	4.0%
Không trả lời	5.1%	6.5%	2.9%

	Năm 2022	Năm 2021	Năm 2020
Công việc giống như đã thực tập	45.8%	42.4%	46.2%
Loại việc giống như đã thực tập	20.7%	21.6%	15.9%
<b>Tổng kết 2 điểm trên</b>	<b>66.5%</b>	<b>64.0%</b>	<b>62.1%</b>
Công việc khác như đã thực tập	29.0%	31.2%	28.4%
Không trả lời	4.4%	4.8%	9.6%

※ 「Quay lại với tư cách hoạt động đặt định xây dựng (đóng tàu)」 đã được thêm vào phần chọn từ năm 2018 đến năm 2020.



# Tình trạng công việc sau khi về nước (Loại việc)

		Nông nghiệp	Đánh cá	Xây dựng	Chế biến thực phẩm	Tơ•Quần Áo	Máy móc•Chế tạo sản phẩm kim loại	Khác
Tình trạng công việc sau khi về nước	Đã được thuê và đang làm việc	22.4%	15.8%	11.0%	19.1%	19.8%	20.1%	15.6%
	Đã được thuê và đã quyết định nơi làm	5.2%	5.3%	6.7%	2.3%	5.5%	8.7%	5.1%
	Đang khởi nghiệp	16.4%	18.4%	15.6%	10.1%	3.8%	9.0%	9.1%
	<b>Tổng kết 3 điểm trên (※)</b>	<b>44.0%</b>	<b>39.5%</b>	<b>33.3%</b>	<b>31.5%</b>	<b>29.1%</b>	<b>37.8%</b>	<b>29.8%</b>
	Học tiếp	0.8%	5.3%	1.6%	1.2%	0.8%	0.9%	1.0%
	Đang tìm việc	19.6%	7.9%	20.5%	26.4%	30.4%	28.5%	30.0%
	Quay lại với tư cách thực tập sinh kỹ năng số 3	1.2%	13.2%	13.8%	11.9%	8.9%	8.6%	11.8%
	Trở lại ngành đặt định kỹ năng	14.0%	26.3%	15.6%	14.8%	2.5%	7.8%	13.0%
	Không làm gì	7.6%	2.6%	6.7%	7.5%	10.1%	8.1%	7.0%
	Khác	9.6%	2.6%	4.6%	2.3%	3.0%	3.1%	3.5%
	Không trả lời	3.2%	2.6%	3.9%	4.3%	15.2%	5.1%	4.0%
	Nội dung công việc	Công việc giống như đã thực tập	54.5%	26.7%	36.7%	28.4%	76.8%	49.4%
Loại việc giống như đã thực tập		28.2%	26.7%	19.7%	33.9%	14.5%	20.2%	15.5%
<b>Tổng kết 2 điểm trên (※)</b>		<b>82.7%</b>	<b>53.4%</b>	<b>56.4%</b>	<b>62.3%</b>	<b>91.3%</b>	<b>69.6%</b>	<b>61.2%</b>
Công việc không như đã thực tập		16.4%	46.7%	36.7%	36.7%	7.2%	25.1%	33.2%
Không trả lời		0.9%	0.0%	6.9%	0.9%	1.4%	5.3%	5.6%

(※) Vì bài toán có loại bỏ số lẻ cho nên có trường hợp là con số không được chính xác hoàn toàn.

# Tình trạng công việc sau khi về nước (Theo nước)

		Việt Nam	Trung Quốc	Indonesia	Philippine	Thái Lan
Tình trạng công việc sau khi về nước	Đã được thuê và đang làm việc	18.2%	27.4%	5.0%	9.5%	13.2%
	Đã được thuê và đã quyết định nơi làm	5.0%	8.0%	5.9%	4.5%	5.5%
	Đang khởi nghiệp	11.0%	2.2%	21.9%	12.5%	4.9%
	<b>Tổng kết 3 điểm trên(※)</b>	<b>34.2%</b>	<b>37.6%</b>	<b>32.8%</b>	<b>26.5%</b>	<b>23.6%</b>
	Học tiếp	1.5%	0.3%	1.8%	0.4%	0.0%
	Đang tìm việc	28.3%	27.1%	26.6%	20.8%	15.4%
	Quay lại với tư cách thực tập sinh kỹ năng số 3	11.4%	2.7%	11.5%	16.3%	23.1%
	Trở lại ngành đặt định kỹ năng	12.2%	4.8%	18.7%	17.8%	11.5%
	Không làm gì	4.4%	16.2%	2.5%	7.6%	10.4%
	Khác	3.2%	5.3%	3.6%	2.7%	6.6%
	Không trả lời	4.8%	5.9%	2.3%	8.0%	9.3%
	Nội dung công việc	Công việc giống như đã thực tập	41.3%	63.8%	29.0%	47.1%
Loại việc giống như đã thực tập		24.7%	19.2%	13.7%	15.7%	25.6%
<b>Tổng kết 2 điểm trên(※)</b>		<b>66.0%</b>	<b>83.0%</b>	<b>42.7%</b>	<b>62.8%</b>	<b>74.4%</b>
Công việc không như đã thực tập		30.5%	14.9%	48.6%	31.4%	16.3%
Không trả lời		3.4%	2.2%	8.7%	5.7%	9.3%

(※) Vì bài toán có loại bỏ số lẻ cho nên có trường hợp là con số không được chính xác hoàn toàn.

# Tình trạng công việc sau khi về nước (Số loại thực tập)

		Số 1	Số 2	Số 3
Tình trạng công việc sau khi về nước	Đã được thuê và đang làm việc	8.7%	18.6%	15.2%
	Đã được thuê và đã quyết định nơi làm	9.5%	5.2%	6.6%
	Đang khởi nghiệp	18.2%	9.8%	10.0%
	<b>Tổng kết 3 điểm trên (※)</b>	<b>36.4%</b>	<b>33.6%</b>	<b>31.8%</b>
	Học tiếp	1.2%	1.2%	1.0%
	Đang tìm việc	18.2%	28.1%	25.2%
	Quay lại với tư cách thực tập sinh kỹ năng số 3	10.3%	11.2%	8.2%
	Trở lại ngành đặt định kỹ năng	18.6%	9.0%	18.7%
	Không làm gì	6.7%	8.4%	5.6%
	Khác	4.3%	4.1%	3.4%
	Không trả lời	4.3%	4.5%	6.1%
Nội dung công việc	Công việc giống như đã thực tập	44.6%	46.7%	42.9%
	Loại việc giống như đã thực tập	22.8%	19.6%	23.0%
	<b>Tổng kết 2 điểm trên (※)</b>	<b>67.4%</b>	<b>66.3%</b>	<b>65.9%</b>
	Công việc không như đã thực tập	30.4%	29.0%	29.6%
	Không trả lời	2.2%	4.6%	4.4%

(※) Vì bài toán có loại bỏ số lẻ cho nên có trường hợp là con số không được chính xác hoàn toàn.